

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HATICO VIET NAM ENGINEERING AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VNHATICO.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107529124

3. Ngày thành lập: 05/08/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 67, ngõ 102 đường Hoàng Đạo Thành, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962092626

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
2.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
3.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
4.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	2100
5.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
6.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
7.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
8.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
9.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
10.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
11.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
12.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
13.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
14.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
15.	Sản xuất giống thuỷ sản	0323
16.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
17.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
18.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629

19.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
22.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
23.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
24.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
25.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
26.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
27.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
28.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
29.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
30.	Thu gom rác thải độc hại (trừ hoạt động nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	3812
31.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
32.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (trừ hoạt động nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	3822
33.	Tái chế phế liệu	3830
34.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
35.	Xây dựng nhà các loại	4100
36.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
37.	Xây dựng công trình công ích	4220
38.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
39.	Phá dỡ	4311
40.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
41.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
42.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
43.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
44.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
45.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
46.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
47.	Bán buôn gạo	4631
48.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
49.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
50.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

51.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
52.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
53.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
54.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
56.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
57.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Thiết kế kết cấu công trình - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình	7110
58.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
59.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
60.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Môi giới chuyển giao công nghệ - Tư vấn chuyển giao công nghệ - Đánh giá công nghệ - Xúc tiến chuyển giao công nghệ - Tư vấn về môi trường - Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	7490(Chính)
61.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
62.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐẶNG TRẦN ĐÀ	Số 101, ngõ 68, tổ 9, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	1.000.000.000	20,000	001076004376	
			Tổng số	10.000	1.000.000.000	20,000		
2	NGUYỄN HÀ VIỆT	Số 67, ngõ 102 Hoàng Đạo Thành, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	1.000.000.000	20,000	011258252	
			Tổng số	10.000	1.000.000.000	20,000		
3	VŨ THÁI HÀ	Số 25B phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	1.000.000.000	20,000	012114705	
			Tổng số	10.000	1.000.000.000	20,000		
4	LÊ ĐỨC TIẾN	Số 14, ngõ 266 phố Lê Thanh Nghị, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	1.000.000.000	20,000	013003810	
			Tổng số	10.000	1.000.000.000	20,000		
5	NGUYỄN VĂN HÒA	Thôn Phú Nham, Xã Hà Ninh, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	1.000.000.000	20,000	172655503	
			Tổng số	10.000	1.000.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 10/10/1986

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 172655503

Ngày cấp: 23/09/2008 Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Phú Nham, Xã Hà Ninh, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Phú Nham, Xã Hà Ninh, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội